

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2020
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lù Văn Quý, ông Quàng Văn Pậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Giang, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Như Quỳnh, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Quang T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 1, Đội 2, Trại giam T thuộc xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn ngày 25/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La, do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu do vợ chồng sống xa nhau, không còn tình cảm và do anh T sử dụng ma túy, trộm cắp, đã nhiều lần phải chấp hành hình phạt tù. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng chị đề nghị được ly hôn anh Lường Quang T.

Về con chung: Anh chị có một con chung Lường Đức T, sinh ngày 24/7/2014. Do anh T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, chị đề nghị được

nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do cháu T mắc bệnh tan máu bẩm sinh, sức khỏe yếu nên chị nhất trí để gia đình anh T cùng giúp chị trông nom, chăm sóc cháu, khi anh T chấp hành xong hình phạt tù, đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, anh chị sẽ tự thỏa thuận giao cho anh T trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Anh chị không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020, bị đơn anh Lương Quang T trình bày:

Anh nhất trí về lời khai của chị T về việc kết hôn. Về quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn. Bản thân anh xác định vẫn còn tình cảm, nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị T trình bày. Anh đề nghị giao con chung của anh chị cho bố mẹ anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lương Quang T. Giao con chung Lương Đức T, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lương Quang T cấp dưỡng nuôi con. Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của anh T về việc giải quyết vụ án, xác minh tại địa phương và gia đình anh T về các ý kiến, yêu cầu của anh T và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lương Quang T kết hôn với nhau năm 2014, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị sống xa nhau, anh T nghiện ma túy, trộm cắp, bị xử phạt tù nhiều lần. Về phía anh T xác định anh vẫn còn tình cảm, nhưng với điều kiện anh đang chấp hành hình phạt tù, chị T kiên quyết xin ly hôn, xét không có điều kiện khắc phục được nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của anh chị. Qua xác minh tại địa phương, mỗi lần anh T đi tù về thì chị T lại về chung sống với anh T. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã xác định anh T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và buộc anh T phải chấp hành hình phạt tù với thời hạn 5 năm. Gia đình anh T cũng xác định anh chị chung sống cùng gia đình chồng nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn chủ yếu giữa anh chị, có nguyên nhân từ việc anh T nhiều lần phải chấp hành hình phạt tù. Như vậy, có căn cứ xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lương Quang T.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Lương Đức T, sinh ngày 24/7/2014. Chị T xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện để ông bà nội của cháu giúp cùng trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung của anh chị là phù hợp với quyền lợi của con, điều kiện hoàn cảnh của các bên, với tình cảm, ý kiến nguyện vọng của ông bà, phù hợp với quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu anh T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi anh có yêu cầu và có đủ điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lường Quang T.

2. Về con chung:

Giao con chung Lường Đức T, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lường Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004970 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn chị Lò Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Lường Quang T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND xã X, tp. S, tỉnh Sơn La (*để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật*);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh